TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2025/DS-ST Ngày 21-3-2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn Thương Tín, địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi nghĩa, phường Vũ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bỉnh C, cán bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền số 100 ngày 30-12-2024. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Q, nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn trình bày: Ông Phạm Văn Q và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (sau đâu viết tắt là Ngân hàng) có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Q với hạn mức sử dụng là 21.600.000

đồng, lãi suất 31,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, trong nhiều kỳ, ông Q đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã sử dụng. Tính đến ngày 21-3-2025, ông Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 29.540.174 đồng, trong đó nợ gốc là 19.648.811 đồng, nợ lãi là 9.891.336 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông Q trả nợ, nhưng ông không trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả lãi theo thoả thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn Q nhưng ông Q không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết vụ án. Tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông Q đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 118, 119, 463 và điều 466, 468 Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn Q phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết bao gồm nợ gốc, nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong. Ông Q chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với ông Phạm Văn Q là tranh chấp về hợp đồng thẻ tín dụng nên được xác định là tranh chấp dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Thủy Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn Q ký ngày 24-9-2020 đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn

tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ đã thoả thuận của hai bên. Tính đến ngày 21-3-2025 ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 19.648.811 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.891.331 đồng, Tổng cộng 29.540.147đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39,147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Buộc ông Phạm Văn Q phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn Q ký ngày 29-9-2020 số tiền nợ gốc là 19.648.811 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.891.336 đồng, Tổng cộng 29.540.147 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn Q phải chịu 1.477.000 đồng án dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín số tiền tạm ứng án phí 550.000 đồng tại biên lai thu số 0010088 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên nay là thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS tp. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai